

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”

Sông Công, ngày 28 tháng 5 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Ông Dương Văn Bản.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chiến
2. Bà Đào Thị Thanh Thủy

Thư ký pH tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công tham gia pH toà: Bà Ngô Diệu Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2021/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956;

* Bị đơn: Ông Nguyễn D, sinh năm 1945.

Cùng cư trú: Tổ dân phố 4B, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà H và ông D đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên vào ngày 09/01/2007. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, trong quá trình chung sống, những năm đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Trong những năm gần đây thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tuổi tác ngày càng cao trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, ngày càng thiếu đi sự chăm sóc chia

xẻ, tôn trọng nhau...Do vậy tại thời điểm hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà H xin được ly hôn ông Nguyễn D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà H và ông D không có con chung; tài sản chung xác định không có.

**Bị đơn ông Nguyễn D trong quá trình tố tụng trình bày:*

Về tình trạng hôn nhân, đúng như bà H trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, mặc dù thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Tuy nhiên, trong thời gian khoảng nửa năm đến nay vợ chồng đã sống ly thân, bà H đã bỏ đi khỏi nhà, không còn quan tâm, chăm sóc đến ông nữa mặc dù một số lần ông gọi điện cho bà H để khuyên nhủ bà trở về đoàn tụ nhưng bà H không nghe, khi ông D tìm đến nơi bà H ở thì bà H luôn tránh mặt. Nay bà H xin ly hôn, ông D không nhất trí với lý do là giữa bà H với ông D chưa có mâu thuẫn lớn, thỉnh thoảng chỉ có một số mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn. Hơn nữa, ông D vẫn còn thương và còn tình cảm với bà H.

Về con chung: không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự tố tụng theo quy định. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn với ông D, còn ông D không nhất trí ly hôn, do đó buổi hòa giải không thành; do vậy vụ án được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Tại tòa nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không hợp tác nên vụ án không hòa giải được Thẩm phán đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng, thư ký: Đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H; về con chung không có; Tài sản chung không; Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên giải quyết vụ án xin ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Sông Công (nay là thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên vào ngày 09/01/2007. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà H ông D sống cùng nhau tại tổ dân phố 4B, phường P, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng những năm gần đây đã xảy ra mâu thuẫn, hiện tại hai ông bà đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, bà H không còn quan tâm, chăm sóc đến ông D nữa. Mặc dù có một số lần ông D gọi điện cho bà H để khuyên nhủ bà H trở về đoàn tụ, nhưng bà H không nghe, ông D tìm gặp thì bà H cố tình tránh mặt. Điều đó thể hiện bà H không còn tình cảm vợ chồng với ông D nữa do vậy Hội đồng xét xử xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn D không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào các quy định của pháp luật, nhận thấy toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự

và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn D.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008154 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà H và ông D, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên(01b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên(01b);
- VKSND tp. Sông Công (02b);
- Chi cục THADS tp. Sông Công (01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND phường P, tp Sông Công (01b);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PH TOÀ**

Dương Văn Bản